

Số: 405/QĐ-BVĐKY

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang

#### GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-SYT ngày 31/10/2024 của Sở Y tế Khánh Hòa về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – kế toán.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 về kinh phí chi lễ, tết; kinh phí đào tạo nguồn nhân lực và kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học ngành y tế (tiền bằng) của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang (Phụ lục chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tài chính – kế toán và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đắc Thuận

**Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang**  
**Chương: 423**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Đính kèm Quyết định số 405/QĐ-BVĐKY ngày 11/11/2024  
của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)*

Dvt: đồng

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Thu, chi hoạt động sự nghiệp, cung ứng dịch vụ</b>	
<b>1</b>	<b>Thu hoạt động sự nghiệp y tế</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp y tế</b>	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
	<b>Loại 070 – khoản 085</b>	<b>152.468.500</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	- <i>Kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực</i>	72.468.500
	- <i>Kinh phí thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học ngành y tế (tiền bằng)</i>	80.000.000
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
	<b>Loại 130 – khoản 132</b>	<b>-54.000.000</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (tự chủ)	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (không tự chủ)	
	- <i>Kinh phí chi lễ, tết (điều chỉnh giảm)</i>	-54.000.000